

Số: 06/2025/QĐST-DS

PT, ngày 28 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 20 tháng 11 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số: 09/2025/TLST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 20 tháng 11 năm 2025 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là hoàn toàn tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP MS; Địa chỉ: phường L, quận Đ, thành phố HN; Nay là: phường L, thành phố HN; *Người đại diện theo pháp luật*: Ông A - Chức vụ: Tổng giám đốc MS; *Người đại diện theo ủy quyền*: Ông B - Chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng Quản lý tín dụng – MS;

* *Bị đơn*: Chị **Phạm Thị Vân O1**, sinh năm 1992 và anh **Trương Thành C**, sinh năm 1985; Đều ở địa chỉ: Khu 6, xã HC, tỉnh PT.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về số tiền thanh toán*: Chậm nhất đến ngày 20/01/2026 bà Phạm Thị Vân O1 và ông Trương Thành C có nghĩa vụ phải trả (trả một lần) cho Ngân hàng TMCP MS tổng số tiền nợ tính đến ngày 20/11/2025 là 656.097.824 đồng (*Sáu trăm năm mươi sáu triệu, không trăm chín mươi bảy nghìn, tám trăm hai mươi tư đồng*); Gồm nợ gốc là 475.072.624 đồng, nợ lãi là 177.438.589 đồng, nợ lãi quá hạn là 3.586.611 đồng.

2.2. *Về lãi suất*: Kể từ ngày 21/11/2025 bà Phạm Thị Vân O1 và ông Trương Thành C còn phải tiếp tục phải chịu lãi, lãi quá hạn và các khoản lãi phát

sinh (nếu có) đối với số tiền còn nợ cho đến khi bà O1 và ông C thanh toán xong toàn bộ khoản nợ tính đến thời điểm thanh toán xong hết các khoản nợ cho Ngân hàng TMCP MS theo như thỏa thuận tại các Hợp đồng cho vay số 01483/2021/HĐCV/RB/3001798 ngày 25/11/2021 và Hợp đồng cho vay kiêm Giấy nhận nợ số 01019/2022/HĐCV/RB và Phụ lục số 01 ngày 29/07/2022 đã ký kết với Ngân hàng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2.3 Xử lý tài sản thế chấp: Trong trường hợp bà O1 và ông C không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP MS như đã cam kết thì Ngân hàng TMCP MS có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản đảm bảo là: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 144, tờ bản đồ số 25-TX tại Khu 6, xã HC, huyện TB, tỉnh PT theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 964630 số vào sổ cấp GCN CH 000994 do UBND huyện TB, tỉnh PT cấp ngày 04/05/2020 cho bà Phạm Thị Vân O1 và ông Trương Thành C và Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 273, tờ bản đồ số 17 tại Khu 10, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh PT theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DE 569546 số vào sổ cấp GCN CH 003584 do UBND huyện TB, tỉnh PT cấp ngày 27/06/2022 cho bà Phạm Thị Vân O1.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm nêu trên được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho bà Phạm Thị Vân O1 và ông Trương Thành C đối với MS. Nếu số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì bà Phạm Thị Vân O1 và ông Trương Thành C có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán cho đến khi trả hết khoản nợ cho MSB. Nếu số tiền từ việc bán/xử lý từ tài sản bảo đảm trả nợ cho Ngân hàng còn thừa thì trả lại cho bà Phạm Thị Vân O1 và ông Trương Thành C. Nếu bà O1 và ông C thanh toán hết nợ cho Ngân hàng thì ngân hàng sẽ giải chấp cho chị O1 và anh C.

2.4. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: 14.800.000đ (Mười bốn triệu tám trăm nghìn đồng). Bà Phạm Thị Vân O1 và ông Trương Thành C tự nguyện chịu toàn bộ. Bà Phạm Thị Vân O1 và ông Trương Thành C có trách nhiệm trả lại cho ngân hàng số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ mà ngân hàng đã tạm ứng là 14.800.000đ (Mười bốn triệu tám trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.5. Về án phí: Bà Phạm Thị Vân O1 và ông Trương Thành C tự nguyện

chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 15.121.956 đồng (Mười lăm triệu một trăm hai mươi một nghìn chín trăm năm mươi sáu đồng). Ngân hàng TMCP MS không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả Ngân hàng TMCP MS số tiền 14.330.000 đồng (Mười bốn triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng), số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000761 ngày 23/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

3. Đối với quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án và thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 26 Luật thi hành án dân sự; 3 Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND Khu vực 3 - Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ.
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

THẨM PHÁN

Nguyễn Bình Luyến